

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/HS-ST

Ngày 04 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Kha

Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Kim – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê V B, sinh năm: 1997 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn V T và bà: Lê T T; Vợ: Nguyễn K H; con: 01 người; tiền sự: Không;

Tiền án: 01 lần, tại bản án số 69/2016/HSST ngày 28/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/02/2018, chấp hành xong phần án phí hình sự và dân sự.

Nhân thân: Ngày 07/11/2019 bị Công an huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo đang bị tạm giam tại nhà Tạm giữ Công an huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. Họ và tên: Lê S V, sinh năm: 1995 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: A, ấp 1A, xã V, huyện B C, thành phố H; Chỗ ở: D, Đ, xã B, huyện B, thành phố H; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê S T và bà: Lê T T; tiền án - tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/12/2019 tại

nhà tạm giữ Công an thành phố C, đến ngày 21/01/2020 thay thế biện pháp tạm giam cho bảo lãnh tại ngoại đến nay.

Bị hại: Chị Lý Thị D A, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 0, P, k, p, thành phố C, tỉnh C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Cao T T, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B, ấp 2, xã B, huyện B, thành phố H.

- Ông Trần V E (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 40 phút ngày 04/11/2019, chị Lý Thị D A điều khiển xe mô tô SH màu đỏ, biển số 69C1-17979 đến tiệm nail trên đường T, k, p, thành phố C, tỉnh C và khóa cổ xe đi vào tiệm làm móng. Lúc này Lê V B đi đến quan sát không thấy ai trông coi xe nên nảy sinh ý định lấy trộm. B dùng cây đoãn cây khóa cổ xe và điều khiển xe chạy đến nhà ông ngoại của B là ông Trần V E trú tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T. Tại đây, B tháo biển số xe 69C1-17979 và lấy biển số xe 63X2-9040 đã hư hỏng của ông E gắn vào và kiểm tra trong cốp xe có số tiền 500.000 đồng nên đã lấy tiêu xài cá nhân.

Đến sáng ngày 05/11/2019, B điều khiển xe trộm được lên thành phố Hồ Chí Minh tìm nơi tiêu thụ. Khoảng 12 giờ ngày 06/11/2019, B tìm đến tiệm cầm đồ tên M số D, Đ, ấp 4, xã B, huyện B, thành phố H do ông Cao T T làm chủ thì gặp Lê S V làm quản lý tiệm. B nói với V là bán xe trộm được tại C với giá 40.000.000 đồng, V hỏi B xe có giấy tờ gì không thì B trả lời không có nên V không mua vì cho rằng giá cao. Vì vậy, B điều khiển xe đi, trước khi đi B có cho V số điện thoại 0704.705.777 để V liên lạc. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, V dùng số điện thoại 0965.155.777 của Lê H D là nhân viên làm chung tiệm cầm đồ với V gọi lại cho B nói mua xe giá 36.000.000 đồng thì B đồng ý bán và giao xe cho V. Sau khi bán xe, B đi xe khách Phương Trang về đến trạm dừng chân thuộc tỉnh T thì bị Công an tỉnh T bắt giữ cùng với số tiền bán xe còn lại 21.600.000 đồng.

Đến khoảng 15 giờ cùng này, Công an tỉnh T kết hợp với Công an thành phố C và Công an xã B, thành phố H tiến hành kiểm tra tiệm cầm đồ địa chỉ số D, đường Đ, ấp 4, xã B, huyện B, thành phố H thì phát hiện xe SH màu đỏ, biển số 63X2-9040 nên tiến hành lập biên bản tạm giữ xe và biển số xe. Đồng thời, tạm giữ của V 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen và 01 đầu thu camera có chữ HIKVISION của chủ tiệm cầm đồ ông Cao T T.

Tại kết luận định giá số 139/KL-HĐĐG ngày 07/11/2019 của Hội đồng thẩm định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận. Tính vào thời điểm tháng 11 năm 2019: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe SH 150I, biển số 69C1-17979 đã qua sử dụng, giá trị còn lại là 60% x 180.000.000 đồng = 108.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 55/CT-VKS ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Lê V B về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Lê S V về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác trộm cắp mà có*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo B, V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã nêu và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê V B từ 04 năm đến 05 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê S V từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác trộm cắp mà có*”.

- Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 biển số 63X2 – 9040 và 01 đầu thu camera có chữ HIKVISION; Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu IPHONE màu đen và số tiền 21.600.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với bị hại là chị Lý Thị D A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Cao T T và ông Trần V E vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai, tài sản trộm đã được thu hồi trả cho bị hại. Bị hại không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên việc vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Lê V B và Lê S V tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 04/11/2019 tại khóm 5, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Lê V B đã lén lút lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe SH 150I, biển số 69C1-17979 và số tiền 500.000 đồng để trong cốp xe của chị Lý Thị D A. Theo kết luận định giá thì giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 108.000.000 đồng nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Đối với Lê S V biết xe do trộm cắp mà có nhưng vì hám lợi nên đã đồng ý mua với giá 36.000.000 đồng.

Khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a).....;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”.

Khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a).....;

c) Tài sản, vật phạm pháp trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng”.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau truy tố truy tố bị cáo Lê V B về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Lê S V về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác trộm cắp mà có*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3] Về trách nhiệm hình sự: Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Lê V B là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác một cách trái pháp luật, ảnh hưởng tình hình trật tự ở địa phương. Bị cáo B nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì bản chất tham lam, lười lao động, xem thường pháp luật, bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Đối với bị cáo V biết rõ chiếc xe hiệu Honda, loại xe SH 150I, biển số 69C1-17979 là do bị cáo B trộm cắp mà có nhưng cũng vì bản chất tham lam, xem thường pháp luật, bị cáo V vẫn tiêu thụ tài sản, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo V đã gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Trong vụ án này, giữa bị cáo B và bị cáo V không có mối quan hệ quen biết, không có hứa hẹn, bàn bạc về việc trộm và tiêu thụ tài sản, phạm tội độc lập nên cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi của các bị cáo gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo B có nhân thân xấu, bị cáo có một tiền án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo B thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

Bị cáo V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã khắc phục xong hậu quả cho bị hại, tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả cho bị hại nên phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có công với cách mạng. Do đó, bị cáo V được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Đối với Cao T T, Trần V E và Lê H D không biết việc Lê V B trộm xe và Lê S V tiêu thụ xe của B là do trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng gồm:

- 01 biển số 63X2 – 9040 là của ông Trần V E. Ông E không yêu cầu nhận lại biển số xe này nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 đầu thu camera có chữ HIKVISION là của ông Cao T T. Ông T không yêu cầu nhận tài sản này nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu IPHONE màu đen là của bị cáo V dùng liên lạc với bị cáo B để tiêu thụ xe của B là do trộm cắp mà có. Vật chứng này có liên quan đến vụ án nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Số tiền 21.600.000 đồng thu giữ trên người của bị cáo B. Số tiền này là tiền thu lợi bất chính do bị cáo B bán chiếc xe trộm cắp mà có nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo V đã khắc phục xong chi phí sửa chữa xe cho bị hại. Bị hại không yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét.

[8] Các bị cáo phạm tội bị xét xử nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê V B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; Bị cáo Lê S V phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2. Điều luật áp dụng và trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê V B 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê S V 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được đối trừ thời gian bị cáo bị tạm giam, tạm giữ từ ngày 13/12/2019 đến ngày 21/01/2020.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 biên số 63X2 – 9040 và 01 đầu thu camera có chữ HIKVISION.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu IPHONE màu đen; Số tiền 21.600.000 đồng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 05/3/2020 thể hiện số tiền 21.600.000 đồng).

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án Buộc bị cáo Lê V B và Lê S V, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VNSND thành phố Cà Mau;
- Công an thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Bị cáo, bị hại và những người TGTG khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kiều Trang